

UBND HUYỆN M'DRẮK

ĐẾN Số.....
Ngày 21/4.....
Chuyển.....
Lưu hồ sơ.....

CHƯƠNG TRÌNH

thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU, ngày 14/10/2016 của Ban Chấp hành
Đảng bộ tỉnh Đắk Lắk về tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao
giá trị gia tăng và phát triển bền vững đến năm 2020, định hướng đến năm 2030

Thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU, ngày 14/10/2016 của Ban Chấp hành
Đảng bộ tỉnh Đắk Lắk về tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá
trị gia tăng và phát triển bền vững đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;
Huyện ủy M'Drắk xây dựng Chương trình thực hiện với các nội dung như sau:

Phần thứ nhất

ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH VÀ THỰC TRẠNG SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN GIAI ĐOẠN 2010-2015

I- ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

Huyện M'Drắk nằm ở cửa ngõ phía Đông của tỉnh Đắk Lắk, có diện tích tự
nhiên 133.748 ha. Toàn huyện có 12 xã, 01 thị trấn (trong đó có 06 xã đặc biệt khó
khăn về KT-XH) với 173 thôn buôn, tổ dân phố (trong đó có 40 buôn đồng bào
DTTS tại chỗ, 48 thôn buôn đặc biệt khó khăn về KT-XH) có 17 dân tộc cùng sinh
sống; dân số có 73.726 người; có 39 tổ chức cơ sở đảng trực thuộc Đảng bộ huyện
(21 đảng bộ và 18 chi bộ).

Nông nghiệp là ngành chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu kinh tế của huyện.
Tuy nhiên, nhiều lĩnh vực sản xuất nông nghiệp của huyện vẫn còn manh mún,
khả năng cạnh tranh thấp, chưa khai thác tốt tiềm năng thế mạnh của địa
phương; quá trình chuyển dịch cơ cấu cây trồng vật nuôi diễn ra chậm, việc ứng
dụng tiến bộ khoa học công nghệ trong sản xuất còn hạn chế, một số sản phẩm
nông nghiệp chưa đáp ứng về chất lượng và vệ sinh an toàn thực phẩm, giá
thành sản phẩm chưa cao; chưa thực sự gắn kết giữa sản xuất với chế biến, bảo
quản và tiêu thụ, sản phẩm có giá trị và thương hiệu còn ít; doanh thu trên một
đơn vị diện tích canh tác chưa tương xứng với tiềm năng; thu nhập của nông dân
còn thấp; hoạt động của các hợp tác xã và tổ hợp tác nông nghiệp chưa hiệu quả.

1- Thuận lợi

Được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền về
phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp; các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội đẩy
mạnh công tác tuyên truyền, phát động các phong trào thi đua lao động, sản xuất
giỏi đã được nhân dân tích cực hưởng ứng tham gia.

Huyện có lợi thế về đất đai rộng, lực lượng lao động dồi dào, nhân dân các
dân tộc trong huyện có tinh thần đoàn kết, tích cực tham gia lao động, sản xuất và
có ý chí vươn lên thoát nghèo, làm giàu cải thiện đời sống. Thị trường tiêu thụ sản
phẩm ngày càng mở rộng, tạo ra nhiều cơ hội vừa tăng quy mô phát triển và nâng
cao chất lượng sản phẩm thông qua việc thực hiện lồng ghép các chương trình

mục tiêu Quốc gia, liên doanh, liên kết đầu tư phát triển kinh tế... Do đó, trong những năm qua tình hình KT-XH của huyện tiếp tục phát triển về mọi mặt.

2- Khó khăn

Tình hình thời tiết diễn biến ngày càng phức tạp, biến đổi khí hậu ảnh hưởng lớn đến sản xuất nông, lâm nghiệp trên địa bàn; hạn hán, dịch bệnh cây trồng, vật nuôi làm cho sản xuất, chăn nuôi gặp nhiều khó khăn; giá cả sản phẩm hàng hóa không ổn định đã làm ảnh hưởng đến phát triển kinh tế, đời sống của nhân dân.

Nền kinh tế của huyện vẫn còn ở mức thấp, chủ yếu là sản xuất nông, lâm nghiệp; đất đai kém màu mỡ; cơ sở hạ tầng kinh tế chưa đồng bộ, giao thông đi lại ở các vùng sâu, vùng xa còn gặp nhiều khó khăn, nhất là vào mùa mưa; các công trình giao thông thủy lợi chưa đáp ứng yêu cầu sản xuất, phát triển kinh tế của nhân dân.

Hoạt động khuyến nông mới tập trung vào xây dựng mô hình chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, chưa có nhiều mô hình tổng hợp, liên kết theo chuỗi giá trị gắn với tiêu thụ sản phẩm, tổ chức quản lý sản xuất, xúc tiến thị trường... Việc thành lập nhóm hộ, tổ hợp tác... để cùng giúp nhau hỗ trợ phát triển sản xuất ở một số địa phương còn gặp nhiều khó khăn.

II- THỰC TRẠNG SẢN XUẤT NÔNG, LÂM NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN GIAI ĐOẠN 2010-2015

1- Kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế

Những năm qua mặc dù gặp nhiều khó khăn do khí hậu thời tiết không thuận lợi, nhưng sản xuất nông, lâm nghiệp và kinh tế nông thôn của huyện tiếp tục phát triển, đời sống của nông dân từng bước được cải thiện, góp phần quan trọng vào tăng trưởng kinh tế và ổn định chính trị, xã hội của huyện. Tổng giá trị sản xuất đạt mức tăng trưởng cao, bình quân tăng trưởng hàng năm 12,6%, trong giai đoạn 2010-2015; quy mô nền kinh tế năm 2015 gấp 1,81 lần so với năm 2010. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực, giảm dần tỷ trọng ngành Nông - Lâm nghiệp, tăng dần tỷ trọng ngành Công nghiệp - Xây dựng, Thương mại - Dịch vụ. Theo giá hiện hành, tỷ trọng ngành Nông - Lâm nghiệp chiếm 75% (năm 2010 chiếm 78,7%), Công nghiệp - Xây dựng chiếm tỷ trọng 13,3% (năm 2010 chiếm 11,9%), Thương mại - Dịch vụ chiếm 11,7% (năm 2010 chiếm 9,5%).

Về nông nghiệp: Cơ cấu cây trồng, vật nuôi chuyển dịch theo hướng thâm canh, tăng vụ gắn với sản xuất hàng hóa. Đẩy mạnh áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, đưa các loại giống mới có năng suất, chất lượng cao thay thế giống cũ (đến nay có gần 40% diện tích lúa và trên 95% diện tích ngô sử dụng giống mới). Tổng sản lượng lương thực tăng nhanh từ 56.603,6 tấn năm 2010 lên 76.592,4 tấn năm 2015; bình quân lương thực đầu người năm 2010 đạt 840kg, đến 2015 đạt 944kg, an ninh lương thực được bảo đảm. Cơ cấu cây trồng, mùa vụ chuyển dịch khá rõ nét, bước đầu hình thành các vùng sản xuất tập trung: cây mía, ngô, mỳ, tiêu..., có một số sản phẩm đem lại giá trị kinh tế cao, đảm bảo cho việc chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo hướng sản xuất hàng hóa gắn với tiêu thụ; tạo tiền đề cho việc xây dựng nông thôn mới, từng bước đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn. Giá sản xuất trên 1 ha đất nông nghiệp năm 2015 đạt 72,16 triệu đồng (gấp 2,3 lần so với năm 2010).

Về chăn nuôi: Nhận thức chăn nuôi bán công nghiệp của nhân dân được nâng lên, nhiều hộ gia đình đã mạnh dạn đầu tư xây dựng chuồng trại, chăn nuôi vỗ béo đàn gia súc. Sau khi Công ty TNHH phát triển nông, lâm nghiệp bền vững Sao Đỏ (xã Ea Lai) đưa 3.200 con bò nhập từ Úc về chăn nuôi, theo quy trình chăn nuôi công nghiệp và 20 mô hình chăn nuôi theo hướng bán công nghiệp của các hộ dân trên địa bàn huyện, bước đầu phát triển tốt, mang lại hiệu quả, góp phần gia tăng khối lượng chu chuyển hàng hóa và tăng trưởng giá trị sản xuất ngành chăn nuôi 149% so với năm 2010.

Về sản xuất Lâm nghiệp: Đã có sự chuyển biến căn bản về nhận thức, chuyển từ chủ yếu dựa vào khai thác gỗ tự nhiên theo kế hoạch của Nhà nước sang trồng, quản lý và bảo vệ rừng; một số doanh nghiệp và hộ gia đình đã đầu tư vào trồng rừng sản xuất mang lại hiệu quả kinh tế cao. Trong 5 năm qua, đã trồng 5.473 ha rừng (*bình quân 1.095ha/năm, đạt 110%KH*). Công tác quản lý bảo vệ và phòng, chống cháy rừng được chú trọng và thực hiện đạt hiệu quả. Giá trị sản xuất ngành lâm nghiệp 54.215 triệu đồng (*tăng 20.049 triệu đồng so với năm 2010*); góp phần đưa giá trị sản xuất ngành nông, lâm nghiệp lên trên 527 tỷ đồng (tăng 8,28%).

2- Tồn tại, hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được, ngành nông nghiệp của huyện còn nhiều hạn chế trong việc nâng cao giá trị gia tăng, phát triển thiếu bền vững. Thiên tai, dịch bệnh thường xuyên xảy ra, hình thức tổ chức sản xuất chậm đổi mới, chủ yếu là kinh tế hộ, các hợp tác xã, tổ hợp tác xã nông nghiệp hoạt động chưa hiệu quả, thiếu các tổ chức kinh tế đủ năng lực dẫn dắt nông dân tham gia vào các chuỗi giá trị; thị trường tiêu thụ sản phẩm không ổn định; chuyển dịch cơ cấu nội ngành còn chậm, chưa rõ nét, sản xuất nhỏ lẻ, manh mún, trình độ canh tác lạc hậu, chậm ứng dụng tiến bộ KHKT vào sản xuất; đã hình thành một số vùng sản xuất tập trung nhưng còn mang tính tự phát, sức cạnh tranh chưa cao; kết cấu hạ tầng nông thôn, hệ thống dịch vụ nông nghiệp chưa đáp ứng yêu cầu phát triển... Do đó, nhiệm vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững là yêu cầu cấp thiết, cần tập trung thực hiện trong thời gian tới.

Phần thứ hai

QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ CÁC GIẢI PHÁP VỀ TÁI CƠ CẤU KINH TẾ NGÀNH NÔNG NGHIỆP THEO HƯỚNG NÂNG CAO GIÁ TRỊ GIA TĂNG VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG ĐẾN NĂM 2020 VÀ ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030

1- Quan điểm

Tái cơ cấu ngành nông nghiệp là nhiệm vụ quan trọng trong tái cơ cấu nền kinh tế của huyện; phát huy lợi thế vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội để bố trí lại lĩnh vực sản xuất theo nguyên tắc phát huy được lợi thế so sánh và tối ưu hóa nguồn lực đầu tư, nhằm phát triển nông nghiệp hiệu quả bền vững gắn với liên kết vùng và tham gia hội nhập kinh tế; đồng thời, lấy nguồn nhân lực và khoa học công nghệ làm động lực cho phát triển nông nghiệp.

Tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa quy mô lớn, có lợi thế, có thị trường. Phát triển công nghiệp chế biến, bảo quản nông sản gắn kết chặt chẽ với dịch vụ nông nghiệp làm nền tảng để phát triển nông nghiệp.

Tích cực ứng dụng công nghệ cao để tạo ra sản phẩm nông nghiệp hàng hóa có năng suất, chất lượng an toàn thực phẩm và khả năng cạnh tranh cao.

Tập trung ưu tiên hỗ trợ các ngành hàng hóa chủ lực theo chuỗi liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ, lấy doanh nghiệp là hạt nhân ở các chuỗi giá trị hàng hóa, tạo mọi điều kiện để doanh nghiệp phát triển.

Tái cơ cấu ngành nông nghiệp của huyện phải gắn với xây dựng nông thôn mới, phù hợp với điều kiện từng vùng, từng lĩnh vực để sử dụng có hiệu quả các nguồn lực xã hội.

2- Mục tiêu

2.1- Mục tiêu chung

Phát triển nông nghiệp, nông thôn toàn diện trên cơ sở phát huy tối đa lợi thế của từng vùng, gắn với xây dựng nông thôn mới; phát triển các vùng sản xuất hàng hóa tập trung, nâng cao hiệu quả và khả năng cạnh tranh thông qua đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, đặc biệt là công nghệ cao vào sản xuất; tăng năng suất, chất lượng và giá trị gia tăng gắn với chủ động phòng chống dịch bệnh, đáp ứng nhu cầu thị trường, tạo động lực phát triển kinh tế nông thôn.

Đảm bảo an ninh lương thực, tạo việc làm, nâng cao thu nhập, cải thiện mức sống, giảm nghèo bền vững cho cư dân nông thôn; góp phần đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, quản lý hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, chủ động phòng chống thiên tai, bảo vệ môi trường sinh thái.

2.2- Mục tiêu cụ thể

a) Đến năm 2020

- Tổng giá trị sản xuất đến năm 2020, đạt trên 4.240 tỷ đồng; tăng trưởng giá trị sản xuất bình quân hàng năm 11-12% (theo giá so sánh 2010), trong đó, tăng trưởng ngành Nông - Lâm nghiệp 7-8%.

- Cơ cấu kinh tế đến năm 2020 (theo giá hiện hành), Nông - Lâm nghiệp chiếm 64-65%.

- Đảm bảo nước tưới ổn định cho 70% diện tích cây trồng có nhu cầu nước tưới.

- Tổng sản lượng lương thực trên 96.000 tấn/năm.

- Đến năm 2020 có 25-30% số xã hoàn thành toàn bộ các tiêu chí NTM.

b) Đến năm 2030

- Tổng giá trị sản xuất đến năm 2030, đạt trên 8.000 tỷ đồng; tăng trưởng giá trị sản xuất bình quân hàng năm 10-12% (theo giá năm 2010), tăng trưởng ngành Nông - Lâm nghiệp 7-8%.

- Cơ cấu kinh tế đến năm 2030 (theo giá hiện hành), Nông - Lâm nghiệp 55-57%.

- Đảm bảo nước tưới ổn định cho trên 70% diện tích cây trồng có nhu cầu nước tưới.

2.3- Các đột phá chính

- Trước mắt tập trung tổ chức lại sản xuất, tăng cường liên kết theo chuỗi giá trị đối với các loại cây trồng, vật nuôi có lợi thế về đất đai, thổ nhưỡng, nguồn nhân lực như: Trồng chanh dây tím (Đài Loan); măng cầu (Thái Lan); nhãn tiêu da bò, cây ăn quả có múi, nuôi gà thả vườn theo hướng công nghệ cao tại các xã Ea Pil, Cư Prao...khuyến khích liên kết giữa hộ sản xuất với các tổ chức tín dụng, doanh nghiệp, đơn vị khoa học và công nghệ; hỗ trợ thành lập mới và củng cố nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ hợp tác, hợp tác xã. Thu hút doanh nghiệp có tiềm lực trong và ngoài tỉnh đầu tư vào sản xuất, chế biến, bảo quản và cung ứng cho dịch vụ nông nghiệp.

- Tập trung thực hiện quy hoạch, triển khai mô hình thí điểm trên các loại cây trồng, vật nuôi có giá trị kinh tế cao, có khả năng thích ứng tốt với biến đổi khí hậu, kết hợp ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất.

- Hỗ trợ xây dựng thương hiệu, đảm bảo chất lượng an toàn thực phẩm phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia.

III- NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1- Nhiệm vụ

1.1- Tổ chức lại sản xuất nông nghiệp

- Củng cố, kiện toàn các tổ hợp tác, hợp tác xã theo Luật Hợp tác xã năm 2012, thành lập mới các tổ hợp tác, các hợp tác xã chuyên ngành (hợp tác xã kiểu mới) để tổ chức sản xuất, làm đầu mối đại diện nông dân liên kết với doanh nghiệp sản xuất và tiêu thụ nông sản theo chuỗi giá trị. Phát triển mạnh trang trại, gia trại sản xuất nông sản hàng hóa. Khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp đầu tư vào sản xuất nông nghiệp, hỗ trợ hợp tác xã, nông dân về giống mới, tín dụng, công nghệ chế biến, bảo quản hiện đại,... Phát triển các mô hình kinh tế hợp tác, mô hình liên kết sản xuất - tiêu thụ nông sản theo chuỗi giá trị thông qua hợp đồng kinh tế giữa nông dân với doanh nghiệp. Trong đó, doanh nghiệp giữ vai trò quan trọng định hướng, đặt hàng cho nông dân và hợp tác xã về quy mô, tiêu chuẩn, chất lượng và cách thức nông sản.

- Xây dựng và nhân rộng mô hình sản xuất tập trung quy mô lớn đối với các cây trồng có lợi thế cạnh tranh theo hình thức cánh đồng mẫu lớn, áp dụng đồng bộ các tiến bộ kỹ thuật, tiết kiệm chi phí, bảo vệ môi trường; tạo ra sản phẩm an toàn có giá trị cao. Phát triển chăn nuôi theo hướng bán công nghiệp, hình thức trang trại tập trung quy mô lớn, phát triển các vật nuôi có lợi thế. Liên kết, hợp tác trồng rừng, khai thác chế biến và tiêu thụ để hình thành chuỗi giá trị sản phẩm của lâm nghiệp.

1.2- Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững

a- Trồng trọt: Tái cơ cấu để từng bước hình thành rõ nét các vùng sản xuất hàng hóa tập trung trên cơ sở lợi thế của từng vùng, tạo ra sản phẩm có giá trị kinh tế cao, đủ sức cạnh tranh, có nguồn gốc rõ ràng, đảm bảo an toàn, đáp ứng nhu cầu thị trường. Tăng cường đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ vào sản xuất gắn với đổi mới hình thức sản xuất, có sự tham gia của doanh nghiệp để từng bước hình thành chuỗi giá trị từ sản xuất đến thị trường tiêu thụ

sản phẩm. Phân đầu năng suất các sản phẩm chủ lực trong vùng sản xuất tập trung lên từ 1,2-1,5 lần so với hiện nay; ưu tiên các nguồn lực tập trung đầu tư phát triển các vùng sản xuất hàng hóa nông sản chủ lực tập trung quy mô đến năm 2020, cụ thể:

*** Đối với nhóm cây có tiềm năng và lợi thế cạnh tranh ở mức cao**

- *Đối với cây Mía*: Tập trung phát triển tại các xã Ea Pil, Cư Pao, Krông Á, xã Krông Jing... diện tích 6.500-7.000ha, sản lượng 490.000-525.000 tấn/năm. Tiếp tục thực hiện các biện pháp kỹ thuật thâm canh tăng năng suất, đưa tỷ lệ sử dụng giống mới có năng suất và chất lượng cao vào sản xuất. Tăng cường hoạt động của các tổ hợp tác trồng mía, xây dựng chuỗi liên kết giữa sản xuất và tiêu thụ với các nhà máy trong và ngoài tỉnh;

- *Cây cà phê*: Tập trung phát triển tại các xã Ea Lai, Ea Riêng, Ea H'Mlay và xã Ea MĐoal; diện tích ổn định khoảng 2.000 ha, sản lượng 2.400-3.000 tấn/năm. Triển khai thực hiện chương trình tái canh cà phê và sản xuất cà phê bền vững, từng bước chuyển đổi giống mới có năng suất, chất lượng cao, thích ứng với biến đổi khí hậu; tăng cường kỹ thuật chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh, nâng cao chất lượng vườn cây; trẻ hóa vườn cà phê để tăng năng suất và chất lượng cà phê. Nhân rộng và phát triển mô hình trồng xen cây ăn quả, hồ tiêu..... để tăng thêm thu nhập cho người sản xuất, giảm thiểu rủi ro do biến đổi khí hậu. Xây dựng vùng sản xuất cà phê ứng dụng công nghệ cao, sử dụng công nghệ tưới nước tiết kiệm để tăng năng suất và giảm giá thành sản xuất. Áp dụng công nghệ xử lý lên men nhanh trong chế biến ướt để giảm ô nhiễm môi trường. Mở rộng quy mô chế biến cà phê công nghiệp tăng tỷ lệ chế biến cà phê rang, xay... Tăng cường liên kết để tổ chức sản xuất cà phê theo chuỗi giá trị đảm bảo an toàn sản phẩm và có chứng nhận 4C, UTZ, RainForest...

- *Cây hồ tiêu*: Tập trung sản xuất tại các xã Ea Lai, Ea Riêng, Ea MĐoal, Ea H'Mlây và xã Krông Á; diện tích 400-600ha, sản lượng 14.000-21.000 tấn/năm. Bố trí diện tích trồng tiêu trên các vùng đất có điều kiện thổ nhưỡng và khí hậu phù hợp cho sinh trưởng phát triển của cây tiêu; tăng cường tuyển chọn các giống có năng suất cao, chất lượng tốt có khả năng chống chịu sâu bệnh và phù hợp với điều kiện sinh thái của địa phương. Nhân rộng các mô hình sản xuất bền vững, ưu tiên trồng cây trụ sống, trồng xen canh hợp lý trong vườn cà phê, trồng cây với mật độ thấp, áp dụng công nghệ tưới nhỏ giọt hay tưới phun mưa cục bộ, hạn chế tình trạng ngập úng trong mùa mưa.

- *Cây ăn quả*: Trên cơ sở cải tạo đất vườn tạp thành vườn kinh tế, phát triển trồng xen cây ăn quả trong các vườn cây công nghiệp lâu năm và thay thế một phần diện tích cà phê kém hiệu quả. Tập trung rà soát lại quy hoạch cây ăn quả, đẩy mạnh phát triển cây ăn quả tại các xã Cư Pao, Ea Pil, Ea Riêng, Ea H'Mlây, Cư San và xã Cư Króa... cả về diện tích và đa dạng các loại cây trồng phù hợp với điều kiện sinh thái của từng vùng. Tuyển chọn loại cây ăn quả chất lượng cao, phù hợp với điều kiện sinh thái của từng vùng của địa phương. Hướng đầu tư vào cây có giá trị kinh tế cao hình thành các vùng cây ăn quả tập trung tạo sản phẩm hàng hóa, từng bước phân đầu để sản phẩm có chỗ đứng trên thị trường.

*** Đối với nhóm cây có tiềm năng và lợi thế cạnh tranh ở mức trung bình**

- Về sản xuất cây lúa nước: Quy hoạch, bảo vệ, quản lý sử dụng hiệu quả đất lúa nhằm đảm bảo an ninh lương thực, ứng phó với biến đổi khí hậu. Xây dựng cánh đồng lớn tại các xã có điều kiện (Thị trấn, Cư Mta, Krông Jing, Krông Á) để thuận lợi áp dụng quy trình công nghệ trong chuỗi sản xuất sản phẩm, giảm tổn thất sau thu hoạch, đẩy mạnh ứng dụng biện pháp phòng trừ dịch hại tổng hợp (IPM) trên đồng ruộng. Hỗ trợ nông dân vùng lúa mua máy móc đủ chủ động khâu dịch vụ làm đất, thu hoạch, chế biến, cung ứng giống tốt....theo Quyết định 68/2013/QĐ-TTg, ngày 14/11/2013 và xây dựng thương hiệu lúa gạo theo Quyết định 08/2013/QĐ-TTg. Những vùng diện tích lúa bắp bệnh chuyển đổi sang cây trồng khác như Ngô lai, đậu đỗ, rau thực phẩm, những ruộng trũng thấp chuyển sang nuôi trồng thủy sản nhằm đem lại hiệu quả kinh tế cao hơn. Về sản lượng lương thực phần đầu duy trì ổn định ở mức bình quân 25.000-30.000 tấn/năm; tập trung phát triển các giống lúa có năng suất cao, có sức chống chịu hạn và sâu bệnh, có giá trị hàng hóa cao.

- *Cây Ngô*: Tập trung sản xuất tại các xã Ea Pil, Cư Prao, Krông Jing, Ea Trang và xã Cư San, diện tích 8000-9000ha, sản lượng 50.000-67.000 tấn/năm ...Sử dụng các giống ngô lai F1 có thời gian sinh trưởng ngắn, có khả năng chịu hạn, kháng sâu bệnh tốt, chịu đầu tư thâm canh cho năng suất, chất lượng cao và trồng được 2 vụ /năm; Áp dụng cơ giới hóa và các tiến bộ khoa học kỹ thuật trong sản xuất ngô theo hướng bền vững, giảm chi phí sản xuất, giảm tổn thất sau thu hoạch, tăng khả năng cạnh tranh nhằm đáp ứng thị trường trong nước, giảm nhập khẩu ngô nguyên liệu.

- *Đậu các loại và cây mè*: Tập trung sản xuất tại các xã Ea Pil, Cư Prao, Krông Jing, diện tích khoảng trên 2000ha. Là cây trồng ngắn ngày, có tác dụng cải tạo đất và có thị trường tiêu thụ thuận lợi, không đòi hỏi thâm canh cao, tập trung đầu tư, thâm canh đưa giống mới 80-90% vào sản xuất kết hợp áp dụng quy trình chăm sóc phù hợp.

- *Cây Sắn*: Giữ ổn định diện tích sắn khoảng 6000 ha, sản lượng 240.000 tấn/năm, diện tích được phân bổ trên tất các xã, thị trấn trên địa bàn huyện. Sử dụng các giống sắn mới có năng suất và hàm lượng tinh bột cao, kháng sâu bệnh hại tốt. Thâm canh kết hợp với các biện pháp kỹ thuật canh tác để bảo vệ đất; phát triển công nghệ chế biến các sản phẩm từ sắn.

- *Rau thực phẩm các loại*: Tập trung sản xuất theo hướng luân canh, tăng vụ và đi sâu vào thâm canh, sử dụng giống mới để tăng năng suất, chất lượng sản phẩm. Phát triển theo hướng sản xuất rau an toàn, rau hữu cơ... theo tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP.... Tạo ra sản phẩm hàng hóa chất lượng cao, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm cung cấp cho thị trường, hình thành vùng sản xuất rau an toàn, mô hình sản xuất rau công nghệ cao trong nhà lưới, mở rộng diện tích sản xuất rau ở các vùng ven thị trấn, các khu dân cư tập trung nhằm đáp ứng nhu cầu tiêu thụ rau xanh trên địa bàn.

b- Chăn nuôi: Tập trung phát triển chăn nuôi theo hướng bán công nghiệp, coi chăn nuôi là khâu đột phá trong sản xuất nông nghiệp. Phát huy hiệu quả các mô hình về chăn nuôi heo, gia súc, gia cầm tập trung; chú trọng đầu tư về giống để phát triển đàn heo hướng nạc, đàn bò lai lấy thịt; khuyến khích phát triển trang trại chăn nuôi hàng hóa tập trung theo phương thức công nghiệp, xây dựng các vùng

chăn nuôi trọng điểm, đảm bảo về chế độ dinh dưỡng, chăm sóc để đáp ứng đủ nhu cầu cho thị trường. Tập trung phát triển nhóm vật nuôi có lợi thế cạnh tranh và giá trị tăng cao như dê, heo đen, gà thả vườn ... Từng bước tổ chức lại chăn nuôi theo hướng liên kết, luôn có sự gắn kết giữa Nhà nông - Nhà nước - Nhà khoa học - Nhà doanh nghiệp và quản lý theo chuỗi sản phẩm kín từ chuồng nuôi đến thị trường tiêu thụ.

c- Thủy sản: Phát triển các vùng nuôi thủy sản thâm canh tập trung ứng dụng công nghệ cao, đầu tư cơ sở hạ tầng đồng bộ, áp dụng khoa học - kỹ thuật, quy trình sản xuất tiên tiến để mở rộng sản xuất; đầu tư phát triển về giống để cung ứng đủ giống thủy sản cho nhu cầu nuôi thả trên địa bàn huyện. Tập trung phát triển các sản phẩm có lợi thế, giá trị kinh tế cao. Nghiên cứu, tìm hiểu, chọn địa điểm nuôi trồng thích hợp, đảm bảo cho các đối tượng thủy sản có điều kiện phát triển tốt (xã Krông Á, Cư Króa, Ea Riêng và Ea Pil...)

d- Lâm nghiệp: Thu hút các thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển rừng, giải quyết sinh kế và thu nhập ổn định cho người dân sống gần rừng, góp phần bảo vệ và phát triển rừng nâng cao giá trị của rừng và sản phẩm lâm nghiệp đóng góp tích cực cho phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường. Có phương thức khai thác hợp lý kết hợp giữa khai thác và bảo vệ để nguồn tài nguyên rừng thêm phong phú, đa dạng.

1.3- Phát triển kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn

Tăng cường đầu tư phát triển hệ thống đường giao thông nông thôn, giao thông nội đồng, ưu tiên đầu tư phát triển giao thông tại các vùng sản xuất nông, lâm nghiệp tập trung.

Đầu tư sửa chữa, nâng cấp các công trình thủy lợi, nước sinh hoạt theo hướng đa chức năng để phục vụ nuôi trồng thủy sản, trồng trọt, chăn nuôi, cung cấp nước cho dân sinh và sản xuất nông nghiệp, nhằm nâng cao việc tưới tiêu chủ động cho các loại cây trồng thâm canh, tăng cường áp dụng ứng dụng công nghệ tưới mới hiệu quả, tiết kiệm nước. Đầu tư công trình thủy lợi đầu mối, bố trí vốn nhiều hơn cho nâng cấp, duy tu, bảo dưỡng công trình sau đầu tư; hỗ trợ áp dụng các phương pháp tiết kiệm nước, nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác các công trình thủy lợi.

Tăng cường đầu tư phát triển hạ tầng cơ sở chế biến nông, lâm sản, hình thành cơ sở sơ chế, chế biến nông lâm sản có quy mô phù hợp với từng vùng nguyên liệu, tạo ra sản phẩm có sức cạnh tranh cao, tăng nhanh giá trị gia tăng của các sản phẩm, làm cơ sở thúc đẩy sản xuất nông, lâm nghiệp phát triển tạo điều kiện cho các cơ sở chế biến xây dựng dự án đầu tư phát triển vùng nguyên liệu, ký kết hợp đồng tiêu thụ sản phẩm với nông dân.

Các cơ sở chế biến gắn với thị trường tiêu thụ nội địa và xuất khẩu để hình thành chuỗi giá trị đối với các nông sản có lợi thế cạnh tranh của huyện. Phát triển cơ sở chế biến đồng thời với đảm bảo VSATTP, xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu.

1.4- Tập trung phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao

Tập trung hỗ trợ các hộ sản xuất, tổ hợp tác, các hợp tác xã, các doanh nghiệp đầu tư ứng dụng khoa học công nghệ cao vào địa bàn để phát triển các sản phẩm nông nghiệp có lợi thế cạnh tranh. Trong trồng trọt ứng dụng rộng rãi

các giống cây trồng mới có năng suất cao, chất lượng tốt và khả năng chống chịu sâu bệnh, điều kiện thời tiết bất lợi, tập trung vào các đối tượng cây trồng có lợi thế cạnh tranh như cây mía, cây hồ tiêu, cà phê, cây ăn quả có múi; từng bước sử dụng giống cây trồng biến đổi gen (ngô, đậu tương...). Trong chăn nuôi, ứng dụng công nghệ di truyền để chọn lọc giống có năng suất, chất lượng cao, tập trung vào một số loại gia súc, gia cầm có lợi thế như Bò lai, gà thả vườn, heo đen... Trong lâm nghiệp, sản xuất giống cây mới với quy mô công nghiệp, có khả năng tăng trưởng nhanh, tạo sinh khối lớn bằng công nghệ mô, hom... Trong thủy sản tiếp tục triển khai các mô hình thủy sản có giá trị kinh tế cao,... Nâng tỷ lệ cơ giới hóa, quy trình, công nghệ tiên tiến, xanh, sạch trong các khâu sản xuất, chế biến và bảo quản sau thu hoạch; tăng cường áp dụng công nghệ tưới tiết kiệm nước.

1.5- Nâng cao chất lượng, vệ sinh an toàn sản phẩm nông, lâm, thủy sản

- Đảm bảo an toàn từ khâu sản xuất, sơ chế, bảo quản, chế biến nông sản. Đẩy mạnh các hình thức kiểm tra, giám sát ô nhiễm sinh học và hóa chất độc hại trong nông sản, động vật. Thực hiện kiểm soát chất lượng an toàn trong sử dụng thuốc thú y và thức ăn chăn nuôi, khuyến cáo hạn chế tối đa các loại phân bón có tính ô nhiễm cao. Xây dựng và phát triển vùng sản xuất nông sản, thực phẩm an toàn, tập trung vào các vùng sản xuất rau, quả, chè và vùng chăn nuôi gia súc, gia cầm.

- Tập trung sản xuất các sản phẩm nông nghiệp dễ trồng, dễ chăm sóc, dễ bảo quản, dễ tiêu thụ có giá trị kinh tế, phục vụ nhu cầu đời sống ngày càng cao của người dân trong và ngoài huyện, từ đó xây dựng thương hiệu sản phẩm, xây dựng các thương hiệu hàng hóa nông sản chủ lực của huyện, tạo sự phát triển bền vững về chất lượng sản phẩm nông nghiệp.

1.6- Xây dựng và phát triển nguồn lực phục vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp đạt hiệu quả

Nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn, phấn đấu tỷ lệ lao động nông thôn qua đào tạo đến năm 2020 đạt 45 %; nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức làm việc trong lĩnh vực nông nghiệp, đào tạo, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý hợp tác xã, tổ hợp tác. Huy động các nguồn lực đầu tư xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ phát triển ngành nông nghiệp phục vụ tái cơ cấu các ngành, lĩnh vực: Nông nghiệp, chăn nuôi, thủy sản, lâm nghiệp, khoa học công nghệ, xúc tiến thương mại...

Xây dựng đồng bộ cơ sở vật chất, kỹ thuật cho nông nghiệp, nông thôn theo tiêu chí nông thôn mới, từ đó nâng cao tay nghề, kỹ năng sản xuất cho người lao động; hoàn thiện hệ thống giao thông nông thôn, thủy lợi nội đồng nhằm đáp ứng nhu cầu vận chuyển hàng hóa nông sản và phục vụ sản xuất nông nghiệp, đặc biệt là khu vực cánh đồng mẫu lớn các xã NTM; phát triển mạng lưới điện bảo đảm phục vụ cho sản xuất nông nghiệp, thủy sản; kêu gọi đầu tư xây dựng cơ sở chế biến, hệ thống kho chứa, bảo quản hàng nông sản.

Song song với tái cơ cấu ngành nông nghiệp trong thời gian tới là quá trình xây dựng nông thôn mới, do vậy xây dựng và phát triển nguồn lực phục vụ phải được thực hiện đồng bộ hiệu quả cả chiều sâu lẫn chiều rộng.

2- Giải pháp

2.1- Tăng cường phổ biến, quán triệt đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước về nội dung tái cơ cấu ngành nông nghiệp

- Cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể các cấp tăng cường tuyên truyền, phổ biến, quán triệt sâu sắc về thực hiện đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp để cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và toàn thể nhân dân để thống nhất về nhận thức, tạo sự đồng thuận trong tổ chức triển khai thực hiện.

Các cơ quan Đài Truyền thanh – Truyền hình đẩy mạnh thông tin tuyên truyền về tình hình thực hiện Chương trình hành động của Nghị quyết 04-NQ/TU, ngày 14/10/2016 của BCH Đảng bộ tỉnh Đắk Lắk, thường xuyên cập nhật đưa tin về các mô hình, tổ chức, cá nhân điển hình tiên tiến.

Tập trung thực hiện tốt Nghị quyết số 26-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khoá X) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng; Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ XVI; Nghị quyết số 03-NQ/TU của Tỉnh ủy về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011-2015 và định hướng đến năm 2020; Nghị quyết số 04-NQ/HU, ngày 08/8/2011 của Huyện ủy về xây dựng NTM giai đoạn 2011-2015 và định hướng đến năm 2020 và các chủ trương của tỉnh về phát triển nông nghiệp, nông thôn.

- Hướng dẫn các doanh nghiệp, hợp tác xã, chủ trang trại, gia trại, nông dân tiếp cận và thực hiện có hiệu quả các cơ chế, chính sách của Nhà nước như: Luật đất đai sửa đổi năm 2013; Luật Hợp tác xã năm 2012; Nghị định 55/2015/NĐ-CP của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn Nghị định 2010/2013/NĐ-CP của Chính phủ về khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; Quyết định 62/2013/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản; Quyết định 68/QĐ-TTg, ngày 14/11/2003 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ giảm tổn thất trong nông nghiệp.

2.2- Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo để nâng cao chất lượng quy hoạch, đồng thời tăng cường hiệu lực quản lý Nhà nước đối với quy hoạch

- Rà soát lại quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trên cơ sở quy hoạch tổng thể để xây dựng các vùng chuyên canh, các vùng trọng điểm sản xuất nông nghiệp hàng hóa và lộ trình thực hiện theo 7 ngành hàng nông nghiệp chủ lực của huyện (mía, cà phê, hồ tiêu, cây ăn quả, ngô, gà thả vườn và bò thịt).

- Tiếp tục rà soát, điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện, các quy hoạch ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn theo hướng nông nghiệp hàng hóa.

- Quy hoạch các vùng, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, đặc biệt là ứng dụng công nghệ sinh học, sản xuất giống cây trồng, vật nuôi chất lượng cao, những vùng thực hiện dịch vụ phục vụ sản xuất nông nghiệp, nhất là dịch vụ phục vụ đầu ra như: chế biến, bảo quản và tiêu thụ sản phẩm, có cơ sở hạ tầng kết nối với các huyện lân cận trong và ngoài tỉnh Đắk Lắk.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy hoạch, đảm bảo đồng bộ giữa các quy hoạch ngành, lĩnh vực, sản phẩm và quy hoạch tổng thể phát

triển kinh tế-xã hội của huyện, tổ chức phổ biến, công khai rộng rãi các loại quy hoạch đến các cấp, các ngành, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân; đồng thời xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện các quy hoạch có kết quả cao nhất.

2.3- Xây dựng, triển khai thực hiện chính sách khuyến khích tái cơ cấu gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng

- Vận dụng và thực hiện các cơ chế chính sách trong điều kiện phạm vi cho phép của huyện để tạo động lực cho tái cơ cấu ngành nông nghiệp như: hỗ trợ các doanh nghiệp tham gia liên kết với các tổ hợp tác, hợp tác xã phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị; cơ chế thu hút các nguồn đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, nhất là các doanh nghiệp có tiềm lực mạnh đầu tư vào sản xuất, chế biến, bảo quản sản phẩm nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, gắn với xây dựng nông thôn mới, tạo điều kiện cho tri thức trẻ phát triển, khởi nghiệp ở khu vực nông thôn và thu hút tri thức trẻ về làm việc ở nông thôn, tranh thủ tư vấn, hỗ trợ của các nhà khoa học, các chuyên gia trong và ngoài tỉnh.

- Tăng cường hệ thống khuyến nông từ huyện đến cơ sở, đào tạo tập huấn để nâng cao trình độ cán bộ khuyến nông xã; xây dựng mạng lưới khuyến nông tham gia trực tiếp vào chuyển giao khoa học công nghệ tiến bộ kỹ thuật.

2.4- Huy động các nguồn lực đầu tư xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ phát triển ngành nông nghiệp phục vụ tái cơ cấu ngành

+ Khoa học, công nghệ, xúc tiến thương mại và khuyến nông: Ưu tiên đầu tư cho nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao khoa học công nghệ trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn; cung cấp thông tin thị trường nông sản, nâng cao năng lực dự báo, cung cấp thông tin về cung cầu, giá cả thị trường...hỗ trợ các hoạt động quảng bá, xúc tiến thương mại; phát triển các sản phẩm xuất khẩu, ưu tiên các sản phẩm có lợi thế cạnh tranh, sản xuất theo các quy trình đáp ứng điều kiện ưu đãi theo các hiệp định tự do, thương mại, đáp ứng các yêu cầu, điều kiện nhập khẩu của thị trường trong và ngoài tỉnh.

+ Thủy lợi: tiếp tục đầu tư hoàn thiện hệ thống thủy lợi theo Quy hoạch. Hỗ trợ áp dụng các phương pháp tưới tiêu tiết kiệm nước; đầu tư phát triển hệ thống thủy lợi theo định hướng đa mục tiêu, vừa tưới tiêu, nuôi trồng thủy sản, phòng chống cháy rừng, vừa cung cấp nước cho dân sinh và sản xuất công nghiệp; việc đầu tư công trình phải đảm bảo đồng bộ, sớm phát huy hiệu quả, ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Thu hút các nguồn lực khác trong nhân dân, các doanh nghiệp phát triển các hình thức đầu tư, đối tác đầu tư trong xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, kết hợp giữa huy động nguồn vốn đầu tư của Nhà nước với đóng góp của nhân dân để thực hiện đầu tư xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất.

2.5- Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo điều hành của các cấp ủy, chính quyền các cấp, huy động các đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội tham gia thực sự có hiệu quả trong việc triển khai thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp

- Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy, chính quyền địa phương trên cơ sở quán triệt sâu sắc những nội dung của Nghị quyết 04 - NQ/TU, ngày 14 tháng

10 năm 2016 của Tỉnh ủy về tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững đến năm 2020, định hướng đến năm 2030, xây dựng kế hoạch, xác định nhiệm vụ trọng tâm, trọng điểm để lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện. Đẩy mạnh cải cách hành chính, rà soát, củng cố, hoàn thiện bộ máy quản lý Nhà nước trong lĩnh vực nông nghiệp, đảm bảo thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ được giao, thực hiện hiệu quả tái cơ cấu ngành nông nghiệp.

- Các tổ chức chính trị-xã hội phải xem thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp là một nhiệm vụ chính trị trọng tâm, từ đó vận động đoàn viên, hội viên và toàn thể nhân dân thực hiện; thường xuyên tổ chức các phong trào thi đua phát triển sản xuất nông nghiệp, đồng thời phổ biến nhân rộng mô hình hay, kinh nghiệm tốt trong thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới. Tăng cường sự tham gia của Hội Nông dân trong các chương trình phát triển nông nghiệp, nông thôn.

IV- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1- Ban Tuyên giáo Huyện ủy hướng dẫn các tổ chức cơ sở đảng trực thuộc quán triệt và triển khai thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU, ngày 14/10/2016 của BCH Đảng bộ tỉnh Đắk Lắk và Chương trình này, nhằm nâng cao nhận thức của cả hệ thống chính trị về tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững trong thời gian tới.

2- Căn cứ Nghị quyết số 04-NQ/TU, ngày 14/10/2016 của BCH Đảng bộ tỉnh Đắk Lắk và Chương trình này, UBND huyện xây dựng kế hoạch cụ thể triển khai thực hiện. Chỉ đạo các ngành căn cứ vào chức năng nhiệm vụ xây dựng kế hoạch, tổ chức triển khai thực hiện, đồng thời thường xuyên chỉ đạo, hướng dẫn kiểm tra, giám sát việc thực hiện của các đơn vị và báo cáo kết quả thực hiện về Ban Thường vụ Huyện ủy (qua Văn phòng Huyện ủy) để theo dõi, chỉ đạo.

3- Các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể và các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ cụ thể để xây dựng chương trình, kế hoạch của ngành, đơn vị, địa phương và tổ chức thực hiện có hiệu quả.

4- Ủy ban kiểm tra Huyện ủy phối hợp với các cơ quan tham mưu, giúp việc Huyện ủy và các đơn vị liên quan theo dõi, kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện và tổ chức sơ, tổng kết Chương trình này./.

Nơi nhận:

- BTV Tỉnh ủy (B/c);
- Các đ/c TUV phụ trách địa bàn (B/c);
- Các đ/c Huyện ủy viên;
- TT HĐND, UBND, UBMTTQ huyện;
- Các TCCS đảng trực thuộc H.U;
- Các CQ tham mưu, giúp việc H.U;
- Lưu: VT.



T/M HUYỆN ỦY
BÍ THƯ

Đinh Khắc Tuấn